

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Đợt thi ngày 12/11/2022

*(Ban hành kèm theo QĐ số 748/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 24 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			

I. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2

1	TA10	Nguyễn Văn Hiệp	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0010NTQ	140	114	131	133,3	130	A2	A0544
2	TA19	Ngô Duy Khải	01/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0039KTE	143	102	131	126,7	126	A2	A0545
3	TA32	Nguyễn Thị Kim Phụng	26/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D- THUY5A	15DTY0305	153	102	144	140	135	A2	A0546
4	TA37	Đặng Văn Thanh	21/05/1996	Bắc Ninh	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0100	140	102	131	140	128	A2	A0547

II. TIẾNG TRUNG QUỐC TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3(HSK3)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ	
								NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG ĐIỂM			
1	TQ02	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0472KTO	60	90	70	220	HSK3	HSK30001	
2	TQ03	Đoàn Thị Chuyền	17/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0473KTO	85	83	80	248	HSK3	HSK30002	
3	TQ04	Bế Hồng Đức	27/10/2002	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0032KTE	85	93	80	258	HSK3	HSK30003	
4	TQ05	Trần Thu Hà	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0475KTO	85	93	90	268	HSK3	HSK30004	
5	TQ06	Nguyễn Minh Hiếu	12/07/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN10A	20D0476KTO	85	93	90	268	HSK3	HSK30005	
6	TQ07	Ngô Thị Huyền	02/10/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0483KTO	83	77	80	240	HSK3	HSK30006	
7	TQ08	Thân Thị Ngọc Huyền	02/09/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0500KTO	80	87	70	237	HSK3	HSK30007	
8	TQ09	Ngô Thị Lan Hương	25/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0480KTO	85	77	70	232	HSK3	HSK30008	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
9	TQ11	Nguyễn Thị Lan Phương	26/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0491KTO	95	100	100	295	HSK3	HSK30009	
10	TQ12	Nguyễn Văn Tân	15/03/2001	Bắc Ninh	Nam	D-KINHTE10A	16D0038KTE	60	63	70	193	HSK3	HSK30010	
11	TQ14	Nguyễn Thị Thảo	18/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0493KTO	60	87	60	207	HSK3	HSK30011	
12	TQ15	Lê Thị Thu	30/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0495KTO	60	83	70	213	HSK3	HSK30012	
13	TQ16	Nguyễn Thị Thúy	23/01/2002	Hải Dương	Nữ	D-KETOAN10A	20D0496KTO	63	87	60	210	HSK3	HSK30013	
14	TQ17	Phạm Ánh Tuyết	09/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0497KTO	60	93	60	213	HSK3	HSK30014	
15	TQ18	Nguyễn Tô Uyên	30/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0498KTO	60	80	60	200	HSK3	HSK30015	

III. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
1	TA01	Hoàng Thuận An	29/06/2002	Bắc giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0030KTE	147	130	148	137	140	B1	B100016
2	TA02	Khổng Tuấn Anh	22/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0037NTQ	136	123	152	149	140	B1	B100017
3	TA03	Trương Như Tuấn Anh	16/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0001NTQ	138	142	144	137	140	B1	B100018
4	TA04	Lý Hùng Đức	01/10/2001	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ 10A	20D0004NTQ	160	120	140	140	140	B1	B100019
5	TA05	Nguyễn Thị Hà	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0005NTQ	147	144	134	144	142	B1	B100020
6	TA06	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/12/002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0006NTQ	147	150	140	137	143	B1	B100021
7	TA07	Thân Ngọc Hải	30/09/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0007NTQ	140	140	134	144	140	B1	B100022
8	TA08	Giáp Thị Hạnh	20/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0009NTQ	138	150	131	149	142	B1	B100023
9	TA09	Hoàng Minh Hân	29/09/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0008NTQ	134	150	134	140	140	B1	B100024
10	TA11	Nguyễn Thị Hoa	17/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0477KTO	147	135	134	142	140	B1	B100025
11	TA12	Lê Nguyễn Việt Hoàng	06/03/2002	Hà Nam	Nam	D-NNTQ 10A	20D0012NTQ	143	150	131	133	140	B1	B100026
12	TA13	Nguyễn Thị Hồng	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0013NTQ	138	142	140	144	141	B1	B100027
13	TA14	Trần Thị Huệ	06/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0479KTO	143	144	134	147	142	B1	B100028
14	TA15	Trần Thị Kim Huệ	06/03/2002	Tuyên Quang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0014NTQ	147	144	131	137	140	B1	B100029

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
15	TA17	Tô Thị Diệu Hương	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0482KTO	143	140	134	142	140	B1	B100030
16	TA20	Hoàng Văn Lâm	28/06/2002	Tuyên Quang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0018NTQ	147	138	134	140	140	B1	B100031
17	TA21	Nguyễn Thị Nhật Lệ	11/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0484KTO	140	142	131	147	140	B1	B100032
18	TA22	Bùi Thị Linh	10/09/2002	Phú Thọ	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0019NTQ	150	128	131	151	140	B1	B100033
19	TA23	Hoàng Đại Lộc	01/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN10A	20D0487KTO	150	125	148	137	140	B1	B100034
20	TA24	Nguyễn Thị Trà My	26/10/1990	Hà Tĩnh	Nữ	D-KETOAN 10A	20D0488KTO	150	135	148	140	143	B1	B100035
21	TA25	Chu Thị Nga	05/07/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0020NTQ	147	130	165	142	146	B1	B100036
22	TA26	Hồ Bích Ngọc	13/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0021NTQ	150	135	148	140	143	B1	B100037
23	TA27	Thân Thị Bích Ngọc	01/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0489KTO	150	130	165	123	142	B1	B100038
24	TA28	Ngô Lan Nhâm	14/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0490KTO	153	120	156	144	143	B1	B100039
25	TA29	Hà Văn Nhẫn	10/07/1997	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0034NTQ	147	144	165	120	144	B1	B100040
26	TA30	Thân Thị Nhị	09/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0022NTQ	147	130	165	149	148	B1	B100041
27	TA31	Đỗ Thị Hồng Nhung	21/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0023NTQ	143	130	160	147	145	B1	B100042
28	TA33	Tăng Thị Phương	19/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0024NTQ	143	130	148	137	140	B1	B100043
29	TA34	Nguyễn Thị Phụng	11/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0025NTQ	143	130	152	133	140	B1	B100044
30	TA35	Phạm Anh Quân	06/08/2002	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	22D0044KTE	150	125	160	127	140	B1	B100045
31	TA36	Nguyễn Văn Quất	03/10/2000	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	16D0035KTE	150	135	165	116	142	B1	B100046
32	TA38	Nguyễn Hữu Thành	28/03/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0026NTQ	150	148	137	151	147	B1	B100047
33	TA39	Nguyễn Phương Thảo	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0027NTQ	160	150	156	153	155	B1	B100048
34	TA40	Nguyễn Văn Thiện	24/05/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0028NTQ	150	128	148	133	140	B1	B100049
35	TA41	Nguyễn Thị Thu	20/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0029NTQ	153	144	144	144	146	B1	B100050
36	TA42	Nguyễn Thị Thúy	23/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0030NTQ	150	144	148	142	146	B1	B100051
37	TA43	Hoàng Xuân Vũ	02/04/2002	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN10A	20D0499KTO	150	133	131	144	140	B1	B100052
38	TA44	Đặng Thị Bảo Yến	04/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0033NTQ	150	150	152	153	151	B1	B100053
39	TA45	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0032NTQ	153	128	140	144	141	B1	B100054

Tổng số thí sinh theo danh sách: 58./